

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2607/TTr-UBND

Gia Lai, ngày 10 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số: 7104
ĐẾN Ngày: 11/11/2022
Chuyển:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Chín.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Sau khi thảo luận tập thể thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ Chín xem xét ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Nhằm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

Căn cứ Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030, quy định: "Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp".

Căn cứ quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Chín dự thảo Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết và đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Nhằm thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết: Đảm bảo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ các quy định liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết như sau:

- Xin ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị quyết⁽¹⁾ và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất tại Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2022.

- Chỉ đạo cơ quan chủ trì (Sở Khoa học và Công nghệ) xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành thuộc tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Đồng thời, đăng trên Cổng công tin điện tử của tỉnh², ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp⁽³⁾.

- Trên cơ sở các nội dung góp ý, cơ quan chủ trì đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, xin ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua và hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Ngoài phần căn cứ, Nghị quyết dự kiến gồm 03 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và

¹ Tờ trình số 1131/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh.

² Đến hết thời hạn lấy ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được văn bản góp ý của 33 cơ quan, đơn vị. Trong đó, có 31 cơ quan, đơn vị thống nhất với các nội dung của dự thảo, 02 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia góp ý và 11 cơ quan đơn vị đã nhận được nhưng không có văn bản góp ý.

³ Văn bản số 1703/STP-NV1 ngày 14/10/2022 của Sở Tư pháp.

chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THỐNG QUA

1. Về đảm bảo nguồn nhân lực

- Cơ quan chủ trì thực hiện có trách nhiệm đảm bảo cơ bản đủ cán bộ, công chức có năng lực, trình độ trong tổng biên chế được giao để hướng dẫn việc thực hiện Nghị quyết.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức trong tổng biên chế hiện có để trực tiếp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Về đảm bảo nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí: Chi đầu tư nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030 (bố trí cho lĩnh vực khoa học và công nghệ); chi thường xuyên ngân sách địa phương cấp tỉnh, cấp huyện hàng năm (chủ yếu từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ); kinh phí lồng ghép từ nguồn ngân sách nhà nước khác.

Dự kiến tổng kinh phí giai đoạn 2022-2030: 40.500.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng).

(Hồ sơ kèm theo: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ
Chín xem xét ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy; | báo cáo
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Khoa học và Công nghệ;
- Tài chính; Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Hải Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng

suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022 đến hết ngày ... tháng ... năm ... /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính; Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ; Vụ Pháp chế thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Phụ lục**MỨC CHI TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm
2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

**I. MỨC CHI HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN,
QUY CHUẨN KỸ THUẬT, HỆ THỐNG QUẢN LÝ, CÔNG CỤ CẢI TIẾN
NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ CHO SẢN XUẤT
THÔNG MINH, DỊCH VỤ THÔNG MINH**

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là *nhiệm vụ*). Dự toán kinh phí nhiệm vụ thực hiện theo quy định như sau:

1. Chi tiền công lao động trực tiếp

a) Công thức tính dự toán tiền công lao động trực tiếp của từng chức danh:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công lao động trực tiếp của từng chức danh.

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Hsten: Hệ số tiền công theo ngày của từng chức danh quy định tại điểm b khoản này.

Snc: Số ngày công của từng chức danh.

b) Hệ số tiền công theo ngày của từng chức danh

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày của từng chức danh (Hsten)	
		Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,63	0,47
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,39	0,30
3	Thành viên	0,20	0,17
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,13	0,13

2. Chi hội thảo khoa học

a) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.200	750
2	Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	400	250
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo	Báo cáo	1.600	1.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	800	500
5	Thành viên tham gia hội thảo	Thành viên/ buổi hội thảo	160	100

b) Mức chi hỗ trợ đối với các nội dung chi khác phục vụ cho việc tổ chức hội thảo khoa học được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh với số lượng thành viên hội đồng tối đa 7 người, mức chi như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		600
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400
	Thư ký hành chính		120
	Đại biểu được mời tham dự		80
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận	

	xét đánh giá	
Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200
Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		280

5. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 160 triệu đồng.

6. Mức chi hỗ trợ đối với các nội dung chi khác được áp dụng theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

II. MỨC CHI HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG

1. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động

Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực.

Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

III. MỨC CHI HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN HÓA VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Mục I của Phụ lục này.

2. Mức chi hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và

sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực; hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cơ chế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp ở các cấp độ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 8 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030./.

Số: 65 /TTr-SKHCN

Gia Lai, ngày 18 tháng 10 năm 2022

TỜ TRÌNH

Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020*); Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 15/6/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1703/STP-NV1 ngày 14/10/2022 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Khoa học và Công nghệ đã bổ sung, chỉnh sửa và hoàn chỉnh hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết;
2. Dự thảo Nghị quyết;
3. Nghị quyết của HĐND tỉnh chấp thuận xây dựng Dự thảo Nghị quyết;
4. Văn bản của UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện xây dựng Dự thảo Nghị quyết.
5. Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
6. Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý Dự thảo Nghị quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, CCTĐC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nam Hải

Phụ lục
KẾT QUẢ TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
CÁC Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
(Kèm theo Tờ trình số: 65 /TTr-SKHCHN ngày 18 /10/2022
của Sở Khoa học và Công nghệ)

Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 15/6/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết Chương trình 1322).

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1343/UBND-KGVX ngày 23/6/2022 về việc hoàn thiện hồ sơ trình kỳ họp HĐND tỉnh cuối năm 2022. Sở Khoa học và Công nghệ soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/8/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Văn bản số 855/SKHCHN-CCTĐC tổ chức lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết Chương trình 1322 gửi đến các Sở, ban ngành thuộc tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đồng thời đăng tải toàn văn dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai để lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo văn bản.

Đến hết thời hạn lấy ý kiến (ngày 17/9/2022), Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được văn bản góp ý của 33 đơn vị. Trong đó có 31 đơn vị thống nhất với các nội dung của dự thảo, 02 đơn vị có ý kiến tham gia góp ý, cụ thể như sau:

1. Ý kiến tham gia của các Sở, ban ngành:

Có 17 Sở, ban ngành tham gia, cụ thể:

1.1. Có 15 sở, ban ngành thống nhất với dự thảo gồm: Ban Dân tộc, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Công an tỉnh, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

1.2. Để lấy ý kiến thống nhất về nội dung dự thảo Nghị quyết trước khi gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định theo quy định (Giấy mời số 49/GM-SKHCHN ngày 27/9/2022), Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức cuộc họp với thành phần tham dự là Đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp, Sở Tài chính và Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau khi nhận được các ý kiến góp ý trong cuộc họp,

Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn chỉnh Dự thảo Nghị quyết và gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Tư pháp và Sở Tài chính.

1.3. Có 02 sở có ý kiến tham gia thêm gồm: Sở Tài chính, Sở Tư pháp. Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo.

2. Ý kiến tham gia của UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Có 11/17 UBND cấp huyện có ý kiến tham gia và thống nhất với dự thảo, gồm: An Khê, Ayun Pa, Chư Sê, Chư Păh, Chư Prông, Đak Đoa, Đak Pơ, Phú Thiện, Thành phố Pleiku, Ia Pa và Ia Grai.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh:

Có 05 đơn vị tham gia và thống nhất với dự thảo là: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh Đoàn, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh.

4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:

Không có văn bản tham gia.

5. Ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai và Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ:

Không có ý kiến tham gia. *(Thời gian đăng tải từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/9/2022)*

6. Nội dung tiếp thu và ý kiến giải trình: *(Bảng tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
I. Các Sở ban ngành				
1	Sở Tư pháp	1410/STP-NV1 ngày 31/8/2022	<p>1. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết - Đề nghị chỉnh sửa nội dung “<i>Dự toán kinh phí nhiệm vụ thực hiện theo quy định hiện hành về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai.</i>” bảo đảm viện dẫn cụ thể văn bản quy định nội dung cần viện dẫn đồng thời bảo đảm phù hợp.</p>	<p>1. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu ý kiến và có nội dung giải trình như sau:</p> <p>- Thông tư 35/2021/TT-BTC, có quy định: Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế (khoản 2 Điều 7); hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh (Điều 9) được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) theo quy định của Bộ KH&CN. Dự toán kinh phí nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ KH&CN hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>- Theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN¹, UBND tỉnh Gia Lai ban</p>

¹ Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Thông tư này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, ban hành các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở để thực hiện thống nhất trong phạm vi Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với nguồn lực, đặc thù hoạt động KH&CN của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và không vượt quá định mức dự toán quy định tại Thông tư này

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
				<p>hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 quy định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai. Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành và vẫn còn phù hợp với điều kiện của tỉnh. Tuy nhiên, Nghị quyết của HĐND tỉnh không thể dẫn chiếu trực tiếp đến Quyết định này (VBQPPL được ban hành bởi 1 cơ quan có thẩm quyền thấp hơn).</p> <p>Vì vậy, để giải quyết nội dung góp ý trên của Sở Tư pháp và Sở Tài Chính², Sở KH&CN dự thảo Mức chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh tương ứng với mức chi nhiệm vụ KH&CN hiện hành trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Mức chi được trình bày tại Dự thảo Nghị quyết)</p>
			<p>- Đề nghị thuyết minh rõ lý do không hỗ trợ đối với phần kinh phí "<i>thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh</i>" trong hồ sơ dự thảo văn bản.</p>	<p>Sở KH&CN giải trình như sau: Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được giao theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp thông qua hợp đồng KH&CN theo quy định tại Điều 25, 27, 28 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (<i>quy trình tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp, xét duyệt, ký kết hợp đồng thực hiện thực hiện theo Luật KH&CN, VBQPPL hướng dẫn thực hiện và các QĐPL khác có liên quan</i>).</p>

² Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Nghị quyết theo từng nội dung và mức chi cụ thể (*Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC*)

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
				<p>- Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN có rất nhiều nội dung chi, trong đó có một số nội dung như: <u>Khoản 2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu; Khoản 3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN; b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN; d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN; Khoản 5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu;....</u></p> <p>Nội dung chi nói trên trong nhiệm vụ KH&CN, được lập dự toán và phê duyệt trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan (khoản 3, 4, 9 Điều 7 Thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN). Để triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải tổ chức mua sắm, lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan khác (Thực hiện thanh toán quyết toán nội dung này được quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 10;</p>

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
				<p><i>khoản 3 Điều 13; điểm d khoản 3 Điều 15 Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015).</i></p> <p>Như vậy, theo Sở Khoa học và Công nghệ nội dung “<i>thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ</i>” là nhấn mạnh thêm việc các cơ quan quản lý khi tổ chức lựa chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ, xét duyệt nội dung, kinh phí nhiệm vụ phải đảm bảo theo quy định của Luật KH&CN, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; các tổ chức được giao chủ trì nhiệm vụ sử dụng kinh phí phải đảm bảo các quy định về của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật các liên quan,... Đồng thời nội dung “<i>thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán</i>” cũng bỏ túc thêm quy định cho những nội dung chi không quy định mức chi cụ thể của Thông tư liên tịch 55/TTLT-BTC-BKHCN.</p>
			2. Tại khoản 3 Điều 2, đề nghị bổ sung từ “ <i>tại</i> ” sau nội dung “ <i>Thực hiện theo quy định</i> ” nhằm bảo đảm nội dung được chính xác.	2. Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết
2	Sở Tài chính		1. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Nghị quyết theo từng nội dung và	1. Trên cơ sở ý kiến góp ý của Sở Tài Chính và nội dung góp ý của Sở Tư pháp ³ , Sở KH&CN dự thảo Mức chi hỗ

³ Đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Dự toán kinh phí nhiệm vụ thực hiện theo quy định hiện hành về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai.*” bảo đảm viện dẫn cụ thể văn bản quy định nội dung cần viện dẫn đồng thời bảo đảm phù hợp

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
		2736/STC-QLNS ngày 31/8/2022	<p>mức chi cụ thể <i>(Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC)</i></p> <p>2. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ dự kiến kinh phí thực hiện hàng năm và giai đoạn 2021-2030, cơ cấu nguồn vốn <i>(trong đó: nêu rõ nguồn kinh phí nhà nước hỗ trợ, nguồn kinh phí của các doanh nghiệp, kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác)</i> để dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi Nghị quyết được thông qua</p>	<p>trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh tương ứng với mức chi nhiệm vụ KH&CN hiện hành trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Mức chi được trình bày tại Dự thảo Nghị quyết)</p> <p>2. Tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính. Trên cơ sở mục tiêu và nội dung chủ yếu trong Kế hoạch số 1866/KH-UBND, ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh về Nâng cao năng lực chất lượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2022 -2025, Sở Khoa học và Công nghệ dự kiến kinh phí thực hiện tại các biểu Dự trù kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2022-2025 và Giai đoạn 2026-2030 kèm theo.</p>
3	Sở Thông tin và Truyền thông	1333/STTTT-VP ngày 30/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
4	Ban Dân tộc	963/BDT-VP&TTĐB ngày 22/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
5	Ban Quản lý Khu kinh tế	672/BQLKKT-QLDN ngày 17/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
6	Công an tỉnh	2160/CAT-PV01 ngày 05/9/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
7	Sở Công Thương	1421/SCT-QLCN ngày 29/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	2249/SGDĐT-KHTC ngày 31/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
9	Sở Giao thông vận tải	1779/SGTVT-KHTCVT ngày 19/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
10	Sở Ngoại vụ	893/SNgV-HTQT, ngày 25/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
11	Sở Nội vụ	1794/SNV-VP ngày 29/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	3421/STNMT-KHTC&TK ngày 18/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2811/SKHĐT-DN ngày 31/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
14	Sở Xây dựng	1604/SXD-QLCL ngày 23/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3491/SNNPTN T-QLCLNLSTS ngày 30/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
16	Sở Y tế	2788/SYT-KHTC ngày 18/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
17	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1691/SVHTTD L-VP ngày 19/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
II	Các huyện, thị xã, thành phố			
1	UBND thị xã An Khê	1342/UBND-KT ngày 23/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
2	UBND thị xã Ayun Pa	3062/UBND-TH ngày 30/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
3	UBND huyện Chư Sê	1560/UBND-KT ngày 30/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
4	UBND huyện Chư Păh	3479/UBND-KT ngày 30/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	
5	UBND huyện Chư Prông	1809/UBND-KT ngày 31/8/2022	Thông nhất nội dung của dự thảo	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
6	UBND huyện Đak Đoa	1973/UBND-KT ngày 31/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
7	UBND huyện Đak Pơ	1535/UBND-KTHT ngày 29/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
8	UBND huyện Phú Thiện	1412/UBND-TH ngày 22/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
9	UBND Thành phố Pleiku	2905/UBND-KT ngày 07/9/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
10	UBND huyện Ia Pa	1280/UBND-KTHT, ngày 24/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
11	UBND huyện Ia Grai	1504/UBND-KTHT ngày 16/9/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
III	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh			
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	1684/MTTQ-BTT ngày 24/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
2	Tỉnh đoàn Gia Lai	4507-CV/TĐTN-BPT ngày 24/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai	444/BCH-GĐXHKT ngày 24/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
4	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Gia Lai	70/LHH-VP ngày 29/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
5	Liên đoàn Lao động tỉnh Gia Lai	202/LĐLĐ-CSPL&QHLĐ ngày 30/8/2022	Thống nhất nội dung của dự thảo	
IV	Các đơn vị không có ý kiến phản hồi			
	<ul style="list-style-type: none"> - Các sở ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh (03 đơn vị) - UBND các huyện: Kbang, Đức Cơ, Chư Pưh, Krông Pa, Kông Chro, Mang Yang (06 địa phương). - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. - Các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh. (02 đơn vị) 			
V	Góp ý dự thảo sau cuộc họp với Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Tư pháp			
1	Sở Tư pháp	1636/STP-NV1	1. Nội dung dự thảo văn bản a) Tại Điều 2 - Tại tên điều: Căn cứ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	1. Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p>cụ thể các mức chi hỗ trợ) đồng thời để bảo đảm tính thống nhất của văn bản, đề nghị bỏ nội dung “Nội dung và”.</p> <p>Tương tự, tại tên gọi của dự thảo phụ lục đề nghị sửa như sau: “MỨC CHI TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH”.</p> <p>- Đề nghị sửa nội dung “(Phụ lục Quy định chi tiết kèm theo)” như sau: “Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.” nhằm bảo đảm nội dung được rõ ràng, chính xác.</p> <p>b) Tại dự thảo phụ lục</p> <p>- Tại tên Mục I, đề nghị bổ sung cụm từ “MỨC CHI” trước nội dung “HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ...” nhằm bảo đảm tính thống nhất của văn bản.</p> <p>Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại tên Mục II, tên Mục III.</p> <p>- Tương tự ý kiến nêu tại điểm a khoản 1 Văn bản này, đề nghị bỏ nội dung tại khoản 1 Mục I, điểm a khoản 2 Mục II nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao quy</p>	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p>định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC.</p> <p>- Tại khoản 2 Mục I</p> <p>+ Tại tên khoản, đề nghị sửa như sau: “Mức chi <u>hỗ trợ</u> thực hiện nhiệm vụ” nhằm bảo đảm tính thống nhất của văn bản.</p> <p>Tương tự, đề nghị chỉnh sửa các nội dung khác bảo đảm sử dụng từ ngữ thống nhất.</p> <p>+ Tại điểm a</p> <p>Nhằm bảo đảm bố cục nội dung được phù hợp, đề nghị chuyển nội dung về “<i>công thức tính mức chi hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp</i>” trình bày trước nội dung về “<i>hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh</i>” đồng thời chỉnh sửa nội dung cho phù hợp.</p> <p>Đề nghị sử dụng từ ngữ bảo đảm thống nhất như: “<i>tiền công</i>”, “<i>tiền công lao động trực tiếp</i>”; “<i>Hệ số tiền công theo ngày</i>”, “<i>Hệ số tiền công ngày</i>”; ...</p> <p>Tương tự, đề nghị trình bày thống nhất: “<i>STT</i>”, “<i>Stt</i>”; ...</p> <p>+ Tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b, đề nghị sửa nội dung “<i>Các nội dung chi khác ...</i>” như sau: “<i>Mức chi hỗ trợ đối với các</i></p>	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p><i>nội dung chi khác ...”</i> nhằm bảo đảm nội dung được rõ ràng.</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa tương tự đối với nội dung “<i>Các mức chi khác</i>” tại điểm g khoản 2 Mục I.</p> <p>+ Tại điểm c, đề nghị sửa nội dung “<i>Thực hiện theo quy định theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai</i>” thành “<i>Mức chi hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai</i>”.</p> <p>+ Tại điểm g, đề nghị sửa nội dung “<i>Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ</i>” thành “<i>Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ</i>”; sửa nội dung “<i>vận dụng các quy định pháp luật hiện hành</i>” thành “<i>các quy định pháp luật khác có liên quan</i>” nhằm bảo đảm nội dung được chính xác.</p> <p>- Tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Mục II, đề nghị sửa cụm từ “<i>quy định cơ chế tài chính ...</i>” thành “<i>hướng dẫn cơ chế</i>”</p>	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p><i>tài chính ...</i>” nhằm bảo đảm trình bày chính xác tên gọi của văn bản được viện dẫn.</p> <p>- Tại khoản 1 Mục III, đề nghị sửa nội dung “<i>khoản 1,2 Mục I</i>” thành “<i>Mục I</i>” nhằm bảo đảm nội dung được ngắn gọn.</p>	
			<p>b) Đề nghị cung cấp thông tin trong hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định: Việc đăng tải toàn văn dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày (thông tin cụ thể về thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc đăng tải thực tế).</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ gửi kèm ảnh chụp màn hình lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh</p>
2	Sở Tài chính	<p>Văn bản số 3158/STC-HCSN ngày 07/10/2022</p>	<p>- Tại điểm g, khoản 2, mục I Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết: <i>“g) Các mức chi khác được áp dụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN...”</i></p> <p><u>Ý kiến góp ý:</u> g) Các mức chi chưa có quy định tại phụ lục này được áp dụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN...</p> <p>- Tại khoản 1, mục II, Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết. <i>“1. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động”</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết</p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ giải trình như sau: Mặc dù, tại điểm a, khoản 3, Điều 6, Thông tư số 35/2021/TT-BTC có không có quy định về Tổ chức các</p>

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p><u>Ý kiến góp ý:</u> Tại điểm a, khoản 3, Điều 6, Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính không quy định tổ chức các lớp bồi dưỡng, do đó đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát nội dung và mức chi phù hợp quy định trên.</p>	<p><u>lớp bồi dưỡng</u>⁴. Tuy nhiên, tại Điểm c khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định 1322 có quy định: <i>Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động.</i></p> <p>Mặc khác, tại khoản 2, Điều 6, Thông tư số 35/2021/TT-BTC có quy định: <i>Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng.....</i> ". Hoặc Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có đề cập đến công tác tập huấn, bồi dưỡng.</p> <p>Việc tổ chức các khóa bồi dưỡng (<i>các khóa/lớp tập huấn</i>) kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; thời gian từ 1-2 ngày tùy theo chủ đề là phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Vì vậy Sở KH&CN đề nghị được giữ nguyên nội dung này.</p>
			<p><i>"2. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực..."</i></p> <p><u>Ý kiến góp ý:</u> Đề nghị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện trong Dự thảo Nghị quyết</p>

⁴ Tại điểm a, khoản 3, Điều 6, Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định như sau : **Tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng;**

STT	Tên địa phương, đơn vị	Văn bản tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu và giải trình
			<p>hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (Lý do: Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số <u>88/2017/TT-BTC</u> đã quy định nguyên tắc hỗ trợ và tại Điều 6 Thông tư số <u>88/2017/TT-BTC</u> đã có quy định mức chi đối với đào tạo bồi dưỡng trong nước).</p>	

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1703/STP-NV1

Gia Lai, ngày 14 tháng 10 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1065/SKH-CN-CCTĐC ngày 10/10/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản) và các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 1065/SKH-CN-CCTĐC, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các

nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại Điều 2, đề nghị bổ sung từ “*ban hành*” trước nội dung “*kèm theo Nghị quyết này*” nhằm bảo đảm tính thống nhất của văn bản.

b) Tại dự thảo phụ lục

- Tại điểm a khoản 1 Mục I, đề nghị sửa nội dung “*Tc: Dự toán tiền công của từng chức danh*” thành “*Tc: Dự toán tiền công lao động trực tiếp của từng chức danh*” nhằm bảo đảm thống nhất sử dụng từ ngữ.

- Tại khoản 4 Mục I, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cụm từ “*Hội đồng nghiêm thu*” bảo đảm chính xác (*Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh hay Hội đồng nghiêm thu*).

- Đề nghị sử dụng từ ngữ bảo đảm thống nhất như: “*hội đồng*”, “*Hội đồng*”; “*hội thảo*”, “*Hội thảo*”; ...

- Tại khoản 6 Mục I, đề nghị nghiên cứu lại nội dung viện dẫn áp dụng Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; xây dựng nội dung bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản (Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN quy định về các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (nội dung chi không quy định về mức chi).

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16, mẫu số 44 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như: Bỏ dấu chấm tại tên khoản 2 Mục II của dự thảo phụ lục; thống nhất cách trình bày tên khoản tại dự thảo phụ lục (chữ in đậm/chữ in thường); ...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu các ý kiến tại Văn bản này; giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân hồ sơ dự thảo văn bản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam

**DỰ TRÙ KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
VỀ NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI, GIAI ĐOẠN 2022-2025**

(Kèm theo Tờ trình số: 65/TTr-SKHCN ngày 18/10/2022

của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Tổng cộng	Ghi chú
I	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quản lý chất lượng của DN				660	Nhiệm vụ KH&CN: Quy định tại Khoản 1 Mục II, Quyết định 1322
1	Tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về năng suất và các hoạt động nâng cao năng suất của địa phương				60	
2	Đánh giá thực trạng năng suất và các hoạt động nâng cao năng suất 2021-2025 và đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2026-2030				600	Nhiệm vụ KH&CN
II	Thông tin, tuyên truyền về năng suất, chất lượng				670	Quy định tại Khoản 2 Mục II, Quyết định 1322
1	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền				50	
2	Xây dựng phóng sự tuyên truyền về NSCL	Phóng sự	4	30	120	
3	Biên soạn, in ấn và phát hành tài liệu về NSCL				210	
4	Tổ chức hội thảo về NSCL	Hội thảo	1	90	90	
5	Tham quan, học tập kinh nghiệm	Đợt	2	75	150	
6	Tổ chức hội nghị sơ kết giai đoạn	Hội nghị	1	50	50	
III	Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng				1.000	Quy định tại Khoản 4 Mục II, Quyết định 1322
1	Đào tạo chuyên gia về năng suất chất lượng	Chuyên gia	10	70	700	
2	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất chất lượng, đổi mới sáng tạo	Khóa	5	60	300	

IV	Xây dựng triển khai mô hình thí điểm về năng suất chất lượng; hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng (Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh)				4.600	Nhiệm vụ KH&CN hàng năm: Quy định tại Quy định tại Khoản 3 Mục II, Quyết định 1322
1	Xây dựng và triển khai mô hình điểm về cải tiến năng suất, thúc đẩy các hoạt động, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao năng suất	Doanh nghiệp	4	200	800	
2	Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các giải pháp nâng cao năng suất, năng suất xanh, hướng tới mục tiêu kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	Doanh nghiệp	3	300	900	
3	Áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến tại bệnh viện, phòng khám trên địa bàn tỉnh	Đơn vị	4	150	600	
4	Hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, xây dựng lộ trình tiến tới chuyển đổi số tiến tới sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh cho doanh nghiệp	Doanh nghiệp	20	100	2.000	
5	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật.	Doanh nghiệp	15	20	300	
V	Nâng cao năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật				11.940	Quy định tại Quy định tại Khoản 5 Mục II, Quyết định 1322
1	Xây dựng CSDL dữ liệu về tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc thù, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh.				140	
2	Hỗ trợ hình thành Tổ chức đánh giá sự phù hợp;	Nhiệm vụ	8	350	2.800	350tr /nhiệm vụ/ x 2 nhiệm vụ x 4 năm

3	Tăng cường năng lực thử nghiệm, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa				9.000	Phân mua sắm thiết bị thử nghiệm trong dự án đã được duyệt (*) Kế hoạch đầu tư công
	Tổng cộng				18.870	

(*) Dự án “Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng” được phê duyệt tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai (Thời gian thực hiện 2021 -2022; Tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng).

**DỰ TRÙ KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
VỀ NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI, GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Tờ trình số: 65/TTr-SKHCN ngày 18/10/2022

của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Tổng cộng	Ghi chú
I	Đánh giá thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quản lý chất lượng của DN				300	Nhiệm vụ KH&CN: Quy định tại Khoản 1 Mục II, Quyết định 1322
1	Đánh giá thực trạng năng suất và các hoạt động nâng cao năng suất giai đoạn 2026-2030	Nhiệm vụ	1		300	
II	Thông tin, tuyên truyền về năng suất, chất lượng				280	Quy định tại Khoản 2 Mục II, Quyết định 1322
1	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền		1		50	
2	Xây dựng phóng sự tuyên truyền về NSCL	Phóng sự	3	30	90	
3	Tổ chức hội thảo về NSCL	Hội thảo	1	90	90	
4	Tổ chức hội nghị tổng kết chương trình	Hội nghị	1	50	50	
III	Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng				1.300	Quy định tại Khoản 4 Mục II, Quyết định 1322
1	Đào tạo chuyên gia về năng suất chất lượng	Chuyên gia	10	70	700	
2	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất chất lượng	Khóa	10	60	600	
IV	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh				6.000	Nhiệm vụ KH&CN hàng năm: Quy định tại Quy định tại Khoản 3 Mục II, Quyết định 1322

1	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật.	Doanh nghiệp	50	20	1.000	
2	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, các giải pháp nâng cao năng suất, năng suất xanh, hướng tới mục tiêu kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	Doanh nghiệp	50	100	5.000	Triển khai nhân rộng các mô hình
V	Nâng cao năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật				13.750	Quy định tại Quy định tại Khoản 5 Mục II, Quyết định 1322
1	Hỗ trợ hình thành Tổ chức đánh giá sự phù hợp	Nhiệm vụ	5	350	1.750	350tr:/nhiệm vụ/ x 1nhiệm vụ x 5 năm
2	Tăng cường năng lực thử nghiệm, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa	Dự án	1		12.000	Dự án đầu tư công; Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030
	Tổng cộng				21.630	

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

Nghị quyết Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Tờ trình số: 65/TTr-SKHCN ngày 18/10/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Văn bản thẩm định	Nội dung thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
1.	Văn bản số 1703/STP-NV1 ngày 14/10/2022 của Sở Tư pháp	<p>I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN</p> <p>Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.</p> <p>II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT</p> <p>1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước</p> <p>Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.</p> <p>2. Thẩm quyền ban hành văn bản</p> <p>Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 1 Điều 11 Thông tư số</p>	

STT	Văn bản thẩm định	Nội dung thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
		<p>35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.</p> <p>3. Nội dung dự thảo văn bản</p> <p>a) Tại Điều 2, đề nghị bổ sung từ “<i>ban hành</i>” trước nội dung “<i>kèm theo Nghị quyết này</i>” nhằm bảo đảm tính thống nhất của văn bản.</p> <p>b) Tại dự thảo phụ lục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm a khoản 1 Mục I, đề nghị sửa nội dung “<i>Tc: Dự toán tiền công của từng chức danh</i>” thành “<i>Tc: Dự toán tiền công lao động trực tiếp của từng chức danh</i>” nhằm bảo đảm thống nhất sử dụng từ ngữ. - Tại khoản 4 Mục I, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cụm từ “<i>Hội đồng <u>nghiêm thu</u></i>” bảo đảm chính xác (<i>Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh hay Hội đồng nghiêm thu</i>). - Đề nghị sử dụng từ ngữ bảo đảm thống nhất như: “<i>hội đồng</i>”, “<i>Hội đồng</i>”; “<i>hội thảo</i>”, “<i>Hội thảo</i>”; ... - Tại khoản 6 Mục I, đề nghị nghiên cứu lại nội dung viện dẫn áp dụng Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa</p>

STT	Văn bản thẩm định	Nội dung thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
		<p>của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; xây dựng nội dung bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản (Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN quy định về các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (nội dung chi) không quy định về mức chi).</p> <p>III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT</p> <p>Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC.</p> <p>IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN</p> <p>Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16, mẫu số 44 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như: Bỏ dấu chấm tại tên khoản 2 Mục II của dự thảo phụ lục; thống nhất</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa</p>

STT	Văn bản thẩm định	Nội dung thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
		cách trình bày tên khoản tại dự thảo phụ lục (chữ in đậm/chữ in thường); ...	